

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định nguyên tắc, căn cứ, phương pháp, trình tự, thủ tục xác định vị trí việc làm và thẩm quyền quản lý vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với các vị trí việc làm gắn với các chức danh, chức vụ quy định là công chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Vị trí việc làm và phân loại vị trí việc làm

1. Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng; là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Vị trí việc làm được phân loại như sau:

- a) Vị trí việc làm do một người đảm nhận;
- b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận;
- c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.

Điều 3. Nguyên tắc xác định và quản lý vị trí việc làm

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý viên chức.
2. Vị trí việc làm được xác định và điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Vị trí việc làm phải gắn với chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý tương ứng.
4. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch và phù hợp với thực tiễn.

Điều 4. Căn cứ xác định vị trí việc làm

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và công việc thực tế của đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Tính chất, đặc điểm, nhu cầu công việc của đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Mức độ phức tạp, quy mô công việc; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của luật chuyên ngành.
4. Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thực trạng bố trí, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Phương pháp xác định vị trí việc làm

1. Việc xác định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo phương pháp tổng hợp.
2. Xác định vị trí việc làm theo phương pháp tổng hợp được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa việc phân tích tổ chức, phân tích công việc với thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập và được thực hiện theo các bước cơ bản sau:
 - a) Bước 1: Thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập;
 - b) Bước 2: Phân nhóm công việc;
 - c) Bước 3: Xác định các yếu tố ảnh hưởng;
 - d) Bước 4: Thống kê, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ viên chức;

đ) Bước 5: Xác định bảng danh mục vị trí việc làm cần thiết của đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Bước 6: Xây dựng bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm;

g) Bước 7: Xây dựng khung năng lực của từng vị trí việc làm;

h) Bước 8: Xác định chức danh nghề nghiệp tương ứng với danh mục vị trí việc làm cần thiết.

3. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 6. Xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

1. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được xác định theo các căn cứ sau:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan có thẩm quyền quyết định;

b) Tính chất, đặc điểm, phạm vi, quy mô, mức độ phức tạp của công việc;

c) Số lượng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp tương ứng.

2. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành hướng dẫn việc xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Điều 7. Nội dung quản lý vị trí việc làm

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về vị trí việc làm.

2. Xác định vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp tương ứng, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

5. Thông kê, tổng hợp và báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Điều 8. Xây dựng đề án vị trí việc làm

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng đề án vị trí việc làm, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xây dựng đề án vị trí việc làm.

Điều 9. Thẩm định đề án vị trí việc làm

1. Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là Bộ) có trách nhiệm thẩm định đề án vị trí việc làm của các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ quản lý; tổng hợp danh mục vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ quản lý, trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có trách nhiệm thẩm định đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thuộc Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tổng hợp danh mục vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Nội dung thẩm định:

- a) Hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định vị trí việc làm theo quy định;
- b) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc xây dựng đề án;
- c) Danh mục vị trí việc làm và bản mô tả công việc, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp tương ứng, dự kiến số lượng người làm việc theo vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;
- d) Điều kiện bảo đảm thực hiện sau khi đề án được phê duyệt.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trách nhiệm thẩm định đề án vị trí việc làm phải hoàn thành việc thẩm định để trình cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Hồ sơ trình đề án vị trí việc làm

1. Hồ sơ, bao gồm:

- a) Tờ trình;
- b) Đề án;
- c) Văn bản thẩm định của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;
- d) Bản sao Quyết định về việc thành lập; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;
- đ) Các văn bản có liên quan đến việc xây dựng đề án.

2. Chậm nhất là ngày 20 tháng 7 hàng năm, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo và báo cáo tổng hợp về vị trí việc làm của Bộ, ngành, địa phương về Bộ Nội vụ theo quy định.

Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trình cơ quan có thẩm quyền hồ sơ về đề án vị trí việc làm và báo cáo tổng hợp gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp chung về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Sau thời gian quy định nêu trên, nếu Bộ, ngành và địa phương không gửi hồ sơ về đề án vị trí việc làm quy định tại Khoản 1 Điều này thì giữ ổn định số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Điều chỉnh vị trí việc làm

1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập được bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại hoặc giải thể.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như trình tự, thủ tục xác định vị trí việc làm quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định này.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp phải được xác định ngay từ khi xây dựng đề án thành lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Quyết định thành lập.

Chương III

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 12. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập

1. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về vị trí việc làm và hướng dẫn cụ thể việc xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

2. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định này.

3. Chỉ đạo Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ thẩm định đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Quyết định phân bổ số lượng người làm việc đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc thẩm quyền quản lý nhưng không được vượt quá số lượng người làm việc do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Quản lý vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; phân cấp quản lý vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục, Cục và tương đương trực thuộc.

6. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

7. Tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập gửi về Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ vào đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 14. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định này.

2. Chỉ đạo Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thẩm định đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thuộc Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

4. Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thuộc Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập gửi về Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Bộ Nội vụ

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quyết định vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập theo đề nghị của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

a) Quyết định vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự;

b) Quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự.

3. Quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thẩm định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt.

4. Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cả nước; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.

5. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cả nước.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Bộ Tài chính

1. Xây dựng định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo số lượng người làm việc được xác định trong đơn vị sự nghiệp công lập; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Bố trí kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm theo số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

Điều 17. Đơn vị sự nghiệp công lập

1. Xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị mình theo quy định tại Nghị định này và theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự: Quyết định số lượng người làm việc trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quản lý viên chức theo thẩm quyền được giao.

3. Chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị mình.

4. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong đơn vị mình.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác

1. Các đơn vị sự nghiệp thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được áp dụng các quy định của Nghị định này trong việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Một số loại công việc quy định phải thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo quy định hiện hành được áp dụng các quy định tại Nghị định này để xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc làm căn cứ ký hợp đồng lao động.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2012.

Bãi bỏ những quy định về biên chế tại Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước; Nghị định số 112/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý biên chế đối với đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các quy định trước đây trái với quy định của Nghị định này.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (10b). XH **295**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng